TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2023
V/v: *Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và bồi thường thiệt hại*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh.

Bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Hồng Nết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Phạm Quốc Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2023/TLPT-TC ngày 03 tháng 04 năm 2023 về việc Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và bồi thường thiệt hại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2023/QĐPT ngày 07 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ấ, sinh năm 1954; địa chỉ: Số nhà B, đường H, tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Đức T; địa chỉ: Số nhà D, đường L, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Văn phòng C1 (trước đây là Văn phòng C2); địa chỉ: Số H, đường T, tổ D, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Bà Quàng Thị Quốc K - Trưởng Văn phòng đại diện. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Hoàng Văn T1, chị Hoàng Thị Vân A; địa chỉ: Số nhà B đường H, tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La Vắng mặt.

+ Chị Trương Thị C (T2), cháu Hoàng Minh P; địa chỉ: Số nhà B, tổ F, đường H, phường C, thành phố S, tạm trú: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T3; Địa chỉ: Tổ C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ấ; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Đức T trình bày*:**

Bà Nguyễn Thị Ấ và ông Hoàng Văn V kết hôn năm 1974, có với nhau 02 người con chung là Hoàng Văn T1, sinh năm 1978; Hoàng Văn T4, sinh năm 1980. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà Ấ, ông V đã tạo lập được một khối tài sản chung là 01 ngôi nhà xây cấp IV trên diện tích đất có chiều rộng mặt đường là 08m, chiều dài sâu vào là 16,3m, tổng diện tích đất là 130m^2 đã được UBND thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên Hoàng Văn V. Năm 2007, ông V chết không để lại di chúc. Ngày 20/3/2011 bà Ấ cùng các con lập văn bản khai nhận di sản thừa kế và được công chứng viên Quàng Thị Quốc K Văn phòng C2 công chứng văn bản khai nhận di sản thừa kế vào ngày 21/4/2011.

Sau khi xem xét Văn bản khai nhận di sản thừa kế có số công chứng 362/Q1-VPCCSL ngày 21/4/2011 bà Nguyễn Thị Ấ cho rằng, nội dung của văn bản này không phù hợp ý chí, nguyện vọng của bà và trái quy định của pháp luật với các căn cứ như sau:

Về nội dung văn bản thỏa thuận khai nhận di sản thừa kế trái với quy định pháp luật: Văn bản khai nhận di sản thừa kế xác định chồng bà ông Hoàng Văn V để lại 130m^2 đất ở là không đúng, diện tích đất này là tài sản chung của vợ chồng, di sản của ông V chỉ có 65m^2 đất ở đô thị, bà Ấ chỉ đồng ý tặng cho di sản thừa kế của bà được hưởng từ tài sản ông V tương đương với 21,66m^2 đất ở đô thị cho con trai Hoàng Văn T4 số tài sản còn lại của bà tương ứng 65m^2 đất ở trong khối tài sản chung của vợ chồng thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Ấ.

Ngoài văn bản công chứng nêu trên, bà Ấ không ký kết hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng 65m^2 đất thuộc quyền sử dụng của bà Ấ cho các con hoặc cho người khác. Căn cứ vào khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2005 thì Văn phòng C2 (nay là văn phòng C1) công chứng toàn bộ tài sản của bà Nguyễn Thị Ấ là 65m^2 đất ở đô thị trong khi bà Ấ chưa chết là trái với quy định của pháp luật.

Văn bản khai nhận di sản thừa kế công chứng số: 362/01-VPCCSL ngày 21/4/2011, tại phần II, phần khai nhận di sản thừa kế cả 3 người gồm bà Nguyễn Thị Ấ, anh Hoàng Văn T1, anh Hoàng Văn T4 đồng khai nhận thừa kế toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất mà ông Hoàng Văn V để lại căn cứ vào khoản 1 Điều 633 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 49 và khoản 1 Điều 50 Luật công chứng năm 2006, bà Nguyễn Thị Ấ cho rằng Văn bản khai nhận di sản

thừa kế ngày 23/3/2011 được công chứng ngày 21/4/2011 là trái với qui định của pháp luật.

Các cơ quan chức năng đã căn cứ vào Văn bản khai nhận di sản thừa kế đã được công chứng số: 362/Q1-VBCCSL ngày 21/4/2022 để làm căn cứ đăng ký biến động sang tên đổi chủ tài sản của bà Ấ là 65m^2 đất ở đô thị dẫn đến bà Ấ bị mất đất, mất nhà, không có chỗ ở.

Việc xác định di sản thừa kế tại mục 2 phần I Văn bản khai nhận di sản thừa kế công chứng số: 362/Q1-VPCCSL ngày 21/4/2011 xác định di sản thừa kế của ông Hoàng Văn V để lại là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 029511 do UBND thị xã S cấp ngày 25/3/1992 mang tên ông Hoàng Văn V là trái với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 163; Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2005. Bà Nguyễn Thị Ấ yêu cầu Tòa án:

1. Tuyên bố một phần Văn bản khai nhận di sản thừa kế đã được Công chứng số: 362/01-VBCCSL ngày 21/4/2011 của Văn phòng C2, tỉnh Sơn La (nay là Văn phòng C1) vô hiệu.

2. Buộc Văn phòng C2 (nay là văn phòng C1) phải bồi thường giá trị tài sản là 65m^2 đất ở đô thị tính theo giá thị trường số tiền tạm tính là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).

3. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Hoàng Văn T4, Nguyễn Văn T3 và UBND thành phố S như đã xác định ở mục 4 đơn khởi kiện, hiện nay bà Ấ chưa có yêu cầu nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Văn phòng C2 (nay là Văn phòng C1) do bà Quàng Thị Quốc K đại diện trình bày:***

Ngày 20/3/2011 bà Nguyễn Thị Ấ cùng hai con là anh Hoàng Văn T1 và Hoàng Văn T4 đến Văn phòng C2 yêu cầu được công chứng văn bản khai nhận di sản thừa kế của chồng là ông Hoàng Văn V để lại là một thửa đất có diện tích 130m^2 đất ở; địa chỉ thửa đất tại tổ F, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Công chứng viên Quàng Thị Quốc K đã trực tiếp làm việc với bà Ấ cùng hai con trai của bà Ấ là anh T1 và anh T4. Sau khi nghe bà Ấ, anh T4, anh T1 trình bày thửa đất này là một trong những tài sản của ông Hoàng Văn V để lại, bà Ấ và các con khẳng định đây là tài sản của ông V tạo dựng và bà không có đóng góp nên không phải là tài sản của bà. Nay ông V không may chết nên thống nhất giao toàn bộ tài sản này lại cho con trai trưởng là Hoàng Văn T1 toàn quyền quản lý, anh T1 có trách nhiệm nuôi mẹ già và chăm sóc cho em trai.

Sau khi nghe bà Ấ trình bày, bà K đã phân tích về mặt pháp luật, giải thích cho bà Ấ, anh T1, anh T4 biết là đất được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông V là tài sản chung của hai ông bà, bà sẽ được chia 1/2 số tài sản này, còn 1/2 là di sản của ông V sẽ chia đều cho người ở hàng thừa kế thứ nhất là bà Ấ, anh T1, anh T4 và những người khác cùng hàng thừa kế thứ nhất, nhưng ba mẹ con bà Ấ vẫn khẳng định đây không phải là tài sản chung của ông bà mà là di sản của ông V để lại, chỉ có ba mẹ con bà có quyền được hưởng di

sản này, ngoài ra không có ai khác. Khi thấy ba mẹ con chưa hiểu bà K đã tư vấn cho ba mẹ con bà Ấ nên làm "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế", nếu ba mẹ con đồng ý bà K sẽ tiến hành xác minh, giám định tài sản và làm thủ tục theo trình tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, phí công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế sẽ cao hơn phí công chứng văn bản khai nhận di sản thừa kế vì phải tiến hành giám định, xác minh, kiểm tra, đo đạc di sản thừa kế theo qui định của pháp luật, nhưng ba mẹ con bàn bạc thống nhất không làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế vì không chia cho ai mà quyết định làm văn bản khai nhận di sản thừa kế giao toàn bộ di sản của ông V để lại cho anh Hoàng Văn T1 con trai trưởng toàn quyền quản lý sử dụng, anh T1 có trách nhiệm nuôi dưỡng mẹ già, chăm sóc em trai. Thấy bà Ấ, anh T4 kiên quyết giao toàn bộ di sản cho anh T1, bà K đã giải thích và khuyên bà Ấ, anh T4 nên cân nhắc kỹ khi quyết định giao hết di sản mình được chia cho anh Hoàng Văn T1, vì khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đất đai chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho Hoàng Văn T1 thì anh T1 sẽ có quyền chuyển nhượng, tặng cho hoặc thế chấp cho bất kỳ ai mà bà Ấ và anh T4 không có quyền can thiệp. Tuy nhiên, bà Ấ và anh T4 quyết định làm văn bản khai nhận di sản thừa kế và giao cho anh Hoàng Văn T1 toàn bộ di sản này, bà Ấ còn nói: Tài sản duy nhất của tôi chỉ có hai đứa con trai, tôi xác định bây giờ chồng chết rồi tôi sẽ ở với con trai trưởng là Hoàng Văn T1, nó phải có trách nhiệm nuôi dưỡng mẹ già và chăm sóc em trai, không là bây giờ bố nó chết rồi, tài sản mẹ và em nó giao cho nó quản lý và sử dụng nó lại không nuôi dưỡng mẹ và lo cho em, anh Hoàng Văn T1 cũng nói với bà Ấ và em trai là sẽ làm hết trách nhiệm của người con với mẹ và trách nhiệm của anh trai với em. Trên cơ sở khẳng định đây là di sản thừa kế do ông V để lại của ba mẹ con bà Ấ như trên, Văn phòng C2 đã làm Văn bản khai nhận di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị Ấ và hai người con trai là Hoàng Văn T1 và Hoàng Văn T4 theo đúng lời khai và nguyện vọng của ba mẹ con.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ấ đề nghị tuyên bố một phần Văn bản khai nhận di sản thừa kế đã được Công chứng số: 362/Q1-VBCCSL ngày 21/4/2011 tại Văn phòng C2 vô hiệu là không có cơ sở để chấp nhận. Việc công chứng Văn bản khai nhận di sản thừa kế do ông Hoàng Văn V đã chết để lại đã được công chứng tại Văn phòng C2 là hoàn toàn hợp pháp, được thực hiện theo đúng quy định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bả Nguyễn Thị Ấ, cụ thể:

Văn bản khai nhận di sản thừa kế đã được soạn thảo theo đúng lời khai của bà Ấ, anh T1, anh T4 và được thông qua tại phòng công chứng có đầy đủ chữ ký và điểm chỉ vân tay của bà Ấ, anh T1, anh T4.

Văn bản khai nhận di sản thừa kế đã được Văn phòng C2 niêm yết 30 ngày tại Ủy ban nhân dân phường C theo quy định của pháp luật, sau khi hết 30 ngày UBND phường C có xác nhận trong suốt thời gian niêm yết Văn bản khai nhận di sản thừa kế của ông Hoàng Văn V không có công dân cũng như đơn thư khiếu kiện nào về tranh chấp khối di sản thừa kế do ông Hoàng Văn V để lại tại

Văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á và hai con là Hoàng Văn T4, Hoàng Văn T1.

Ngày 21/3/2011, Văn phòng C1 (Trước đây là Văn phòng C2) đã công chứng văn bản khai nhận di sản thừa kế cho gia đình bà Nguyễn Thi Ấ1, việc thực hiện và công chứng Văn bản khai nhận di sản thừa kế hoàn toàn đúng với lời khai và đúng theo ý nguyện của bà Ấ1 và hai con trai là Hoàng Văn T4 và Hoàng Văn T1, đồng thời đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều 50 Luật Công chứng năm 2006, công chứng văn bản khai nhận di sản thừa kế và không trái với đạo đức xã hội.

Đối với yêu cầu bồi thường của bà Ấ1, Văn phòng C2 không gây ra bất cứ hậu quả gì cho bà Ấ1. Vì vậy, việc yêu cầu bồi thường của bà Ấ1 và Luật sư theo ủy quyền của bà Ấ1 (ông Vũ Đức T) là vô căn cứ, nên Văn phòng C2 (nay là Văn phòng C1) không nhất trí bồi thường giá trị 65m^2 đất theo giá thị trường là 1.300.000.000đ (một tỉ ba trăm triệu đồng).

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

- *Đối với anh Hoàng Văn T4, chị Trương Thị C*: Tòa án đã thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhiều lần nhưng đều không có mặt. Do đó, không thể thực hiện được việc tống đạt thông báo trực tiếp cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa thực hiện việc thu thập chứng cứ lấy lời khai đối với Hoàng Văn T4 và Trương Thị C; địa chỉ tại thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Nhưng anh T4 và chị C đều có ý kiến là không liên quan đến vụ án, từ chối thể hiện quan điểm và không trả lời đối với những nội dung mà Tòa án nhân dân thành phố Sơn La ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa và cũng không cung cấp thông tin, tài liệu nào đối với những vấn đề liên quan của mình trong vụ án.

- *Đối với anh Hoàng Văn T1, chị Hoàng Thị Vân A:* Tòa án đã thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhiều lần nhưng đều không có mặt. Do đó, không thể thực hiện được việc tống đạt thông báo trực tiếp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài việc tống đạt qua đường bưu chính, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng và giấy triệu tập tại Nhà văn hóa tổ 6 phường, phường C và Ủy ban nhân dân phường C nhưng anh T1 và chị Vân A không đến và cũng không cung cấp thông tin, tài liệu nào đối với những vấn đề liên quan của mình trong vụ án.

- *Anh Nguyễn Văn T3 trình bày tại bản tự khai:* Việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh Hoàng Văn T4, chị Trương Thị C thông qua bà Nguyễn Thị T5, việc mua bán nhà đất giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, khi anh hỏi về nguồn gốc thừa đất, anh T4 có nói là đất ba mẹ con là bà Ấ1, anh T1, anh T4 thống nhất chia đôi mảnh đất cho hai con trai là anh T4 và anh T1 mỗi người 65m^2 thấy đúng nên tôi đã mua, sau khi mua xong tôi đã tiến

hành sửa chữa lại nhà cửa thì bà Á1 và anh T1 đang ở cạnh đất của tôi cũng không có ý kiến gì. Về thủ tục hồ sơ chuyển nhượng tôi trực tiếp lập Hợp đồng và ký với anh T4 vào khoảng tháng 7/2016 tại Văn phòng C3, thành phố S. Do đó, việc chuyển nhượng đất và tài sản có trên đất giữa chúng tôi được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi nhận chuyển nhượng tôi đã được cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý biến động tại trang 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Hoàng Văn T4, Trương Thị C sang tên tôi Nguyễn Văn T3. Hiện nay tôi đang quản lý, sử dụng và cho người khác thuê lại, chưa chuyển nhượng cho ai. Tài sản trên không liên quan gì tới chị Bùi Thị H vì vợ chồng tôi đã ly hôn vào năm 2011 và thỏa thuận tôi có quyền sử dụng và định đoạt thửa đất trên.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã Quyết định:**

Căn cứ khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 39, Điều 41, Điều 46, Điều 49, Điều 50 Luật Công chứng năm 2006; Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 634, Điều 674, Điều 675, Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ấ đề nghị Tuyên bố một phần Văn bản khai nhận di sản thừa kế đã được Công chứng số 362/01-VBCCSL ngày 21/4/2011 của Văn phòng C2, tỉnh Sơn La (nay là Văn phòng C1) vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ấ về yêu cầu Văn phòng C2 (nay là Văn phòng C1) phải bồi thường giá trị tài sản là 65m^2 đất ở đô thị tính theo giá thị trường, số tiền tạm tính là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ấ kháng cáo, không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

* Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm: Do có đơn yêu cầu của nguyên đơn. Ngày 16/8/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại tài sản đang tranh chấp, xác định tổng giá trị tài sản tranh chấp theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 1.530.266.000đ. (Trong đó tài sản là đất: 1.292.481.000đ; tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc: 237.785.000đ). Các đương sự đều nhất trí với kết quả định giá của Hội đồng định giá.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bà Nguyễn Thị Ất g nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Ý kiến của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Đức T: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ấ hoặc huỷ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Sơn La.

- Ý kiến của bị đơn: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật:

Bà Nguyễn Thị Ấ khởi kiện yêu cầu Tuyên bố một phần văn bản khai nhận di sản thừa kế đã được Công chứng số 362/01-VBCCSL ngày 21/4/2011 tại Văn phòng C2 (nay là Văn phòng C1) vô hiệu và yêu cầu bồi thường giá trị tài sản 65m^2 đất ở đô thị tính theo giá thị trường, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và bồi thường thiệt hại là có căn cứ quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Toà án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ấ:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Ấ cho rằng ½ quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 029511 do Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 25/3/1992 có tổng diện tích 130m^2 là tài sản của bà và ½ quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của ông V để lại. Do đó, văn bản Công chứng số 362/01-VBCCSL ngày 21/4/2011 tại Văn phòng C2 (nay là Văn phòng C1) là vô hiệu vì xác định không đúng di sản thừa kế. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong Văn bản công chứng số 362/Q1-VPCCSL ngày 21/4/2011 của Văn phòng C2 (nay là Văn phòng C1), phần nội dung giao dịch có tiêu đề là *"Văn bản khai nhận di sản thừa kế"*. Tuy nhiên, trong phần khai nhận di sản thừa kế có ghi cả việc thỏa thuận phân chia di sản.

Theo hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng C2 (nay là Văn phòng C1) thể hiện: Công chứng viên đã công chứng việc khai nhận di sản theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ấ và 2 con là Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T4. Tại thời điểm công chứng, bà Nguyễn Thị Ấ và 2 con trai là Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T4 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã xuất trình các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng gồm: *bản sao giấy tờ tùy thân, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản sao giấy chứng tử...,* việc xác định toàn bộ thửa đất có diện tích 130m^2 là di sản thừa kế xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của bà Ấ và 2 con trai (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông V). Không có căn cứ chứng minh người yêu cầu công chứng bà Nguyễn Thị Ấ và 2 con trai bị lừa dối, ép buộc, cưỡng bức. Như vậy, việc Công chứng viên công chứng văn bản khai nhận di sản thừa kế theo ý chí, nguyện vọng của bà Ấ, anh T1, anh T4 là đúng quy định tại các Điều 35; Điều 36, Điều 37; Điều 39; Điều 41; Điều 46; Điều 49; Điều 50 của Luật Công chứng năm 2006 và các Điều 631, Điều 632, Điều 633; Điều 634; Điều 674, Điều 675; Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử và quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ấ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, sau khi anh Hoàng Văn T1 tặng cho anh Hoàng Văn T4 ½ thửa đất (65m^2), tháng 7/2016 anh Hoàng Văn T4 có chuyển nhượng lại quyền sử dụng thửa đất trên cho anh Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Ấ và anh Hoàng Văn T1 không có ý kiến gì. Trước khi gia đình anh Hoàng Văn T4 chuyển về huyện B, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, vợ chồng anh Hoàng Văn T4 có mua cho bà Nguyễn Thị Ấ một ngôi nhà trên thửa đất khác (hiện nay bà Ấ vẫn đang ở). Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, anh Nguyễn Văn T3 đã được cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý biến động tại trang 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ vợ chồng anh Hoàng Văn T4 sang tên Nguyễn Văn T3.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ấ đề nghị Văn phòng C2 (nay là Văn phòng C1) phải bồi thường giá trị tài sản 65m^2 đất ở đô thị tính theo giá thị trường tại thời điểm định giá ngày 05/9/2023 là 1.530.266.000đ. (Trong đó, tài sản là đất: 1.292.481.000đ; tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc: 237.785.000đ), Hội đồng xét xử xét thấy:

Do không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ấ về việc tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế vô hiệu, vì vậy không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị Ất .

[4] Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ấ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Ấ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do kháng cáo không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ấ, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ấ đề nghị tuyên bố một phần Văn bản khai nhận di sản thừa kế đã được Công chứng số 362/01-VBCCSL ngày 21/4/2011 tại Văn phòng C2, tỉnh Sơn La (nay là Văn phòng C1) vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ấ đề nghị Văn phòng C2 (nay là văn phòng C1) phải bồi thường giá trị tài sản 65m^2 đất ở đô thị tính theo giá thị trường, số tiền tạm tính là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng); giá thị trường tại thời điểm định giá ngày 05/9/2023 là 1.530.266.000đ (một tỷ năm trăm ba mươi triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ấ được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ấ phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 6.000.000đ (sáu triệu đồng), bà Nguyễn Thị Ấ đã nộp đủ số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (19/9/2023).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Các đương sự;
- KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Minh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cầm Văn Thanh **Lại Thị Hiếu** **Phạm Tuấn Minha**